
NGHIÊN CỨU

Phát triển kinh tế hộ gia đình ở Việt Nam

Mai Thị Thanh Xuân^{*,1}, Đặng Thị Thu Hiền²

¹*Trường Đại học Kinh tế - Đại học Quốc gia Hà Nội,
144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam*

²*Trường Đại học Lâm nghiệp, Xuân Mai, Hà Nội, Việt Nam*

Nhận ngày 04 tháng 01 năm 2013

Chỉnh sửa ngày 29 tháng 8 năm 2013; chấp nhận đăng ngày 12 tháng 10 năm 2013

Tóm tắt: Kinh tế hộ gia đình là một bộ phận quan trọng của nền kinh tế Việt Nam. Kể từ khi được thừa nhận là đơn vị kinh tế tự chủ (năm 1988), sự phát triển kinh tế hộ gia đình nông thôn đã có sự chuyển biến tích cực cả về quy mô, tốc độ và cơ cấu. Đến nay, nhiều hộ gia đình đã đứng vững được trong nền kinh tế thị trường, có tác động lớn đến sự nghiệp xóa đói giảm nghèo của địa phương cũng như cả nước. Tuy vậy, dưới góc nhìn phát triển bền vững, sự phát triển của kinh tế hộ vẫn còn nhiều hạn chế. Bài viết dựa vào các số liệu thứ cấp, chủ yếu là số liệu Tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp và thủy sản trên phạm vi cả nước vào các năm 2001, 2006 và 2011, tập trung phân tích, đánh giá những thành tựu cơ bản và chỉ ra một số hạn chế, bất cập trong phát triển bền vững của kinh tế hộ và nguyên nhân của nó, từ đó đề xuất giải pháp khắc phục nhằm thúc đẩy kinh tế hộ khu vực nông thôn phát triển theo hướng hiệu quả, bền vững.

Từ khóa: Kinh tế hộ, nông thôn, phát triển bền vững.

1. Nhận diện kinh tế hộ gia đình

Kể từ khi Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 10/NQ-TW ngày 05/4/1988 về “Đổi mới quản lý kinh tế nông nghiệp”, với mục đích giải phóng sức sản xuất trong nông nghiệp, nông thôn, chuyển giao đất đai và các tư liệu sản xuất khác cho hộ nông dân quản lý và sử dụng lâu dài, thì các hộ nông dân đã trở thành những đơn vị tự chủ trong sản xuất nông nghiệp, tức là thừa nhận hộ gia đình là đơn vị kinh tế cơ sở (gọi là kinh tế hộ gia đình). Từ đó, các hộ gia

đình được tự chủ trong sản xuất kinh doanh, được toàn quyền trong điều hành sản xuất, sử dụng lao động, mua sắm vật tư kỹ thuật, hợp tác sản xuất và tiêu thụ sản phẩm do họ làm ra. Như vậy, có thể hiểu *kinh tế hộ gia đình là một tổ chức kinh doanh thuộc sở hữu của hộ gia đình, trong đó các thành viên có tài sản chung, cùng đóng góp công sức để hoạt động kinh tế chung trong sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp hoặc một số lĩnh vực sản xuất, kinh doanh khác do pháp luật quy định*. Sự tồn tại của kinh tế hộ chủ yếu dựa vào lao động gia đình để khai thác đất đai và tài nguyên khác nhằm phát triển sản xuất, thoát nghèo bền vững và vươn lên làm giàu chính đáng.

* Tác giả liên hệ. ĐT: 84-915868907

Email: xuanmtt@vnu.edu.vn

Có thể nhận diện kinh tế hộ gia đình qua các đặc điểm chủ yếu sau:

- Kinh tế hộ gia đình được hình thành theo một cách thức tổ chức riêng trong phạm vi gia đình. Các thành viên trong hộ cùng có chung sở hữu các tài sản cũng như kết quả kinh doanh của hộ.

- Kinh tế hộ gia đình tồn tại chủ yếu ở nông thôn, hoạt động trong lĩnh vực nông, lâm, thủy sản. Một bộ phận khác có hoạt động phi nông nghiệp ở mức độ khác nhau.

- Trong kinh tế hộ gia đình, chủ hộ là người sở hữu nhưng cũng là người lao động trực tiếp. Tùy điều kiện cụ thể, họ có thuê mướn thêm lao động.

- Quy mô sản xuất của kinh tế hộ gia đình thường nhỏ, vốn đầu tư ít. Sản xuất của kinh tế hộ còn mang nặng tính tự cung tự cấp, hướng tới mục đích đáp ứng nhu cầu tiêu dùng trực tiếp của hộ là chủ yếu.

- Quá trình sản xuất chủ yếu dựa vào sức lao động thủ công và công cụ truyền thống, do đó năng suất lao động thấp. Do vậy, tích lũy của hộ chủ yếu chỉ dựa vào lao động gia đình là chính.

- Trình độ quản lý và chuyên môn nghiệp vụ của chủ hộ rất hạn chế, chủ yếu là theo kinh nghiệm từ đời trước truyền lại cho đời sau. Vì vậy, nhận thức của chủ hộ về luật pháp, về kinh doanh, cũng như về kinh tế thị trường rất hạn chế.

Tại Việt Nam, kinh tế hộ chủ yếu là kinh tế của các hộ gia đình nông dân tại khu vực nông thôn. Xét theo cơ cấu ngành nghề, kinh tế hộ được phân chia thành các loại: hộ thuần nông (hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp và ngư nghiệp); hộ kiêm nghề (vừa làm nông nghiệp, vừa hoạt động tiểu thủ công nghiệp); hộ chuyên nghề (hoạt động trong các lĩnh vực ngành nghề và dịch vụ); và hộ kinh doanh tổng hợp (hoạt động cả trong lĩnh vực nông nghiệp, công nghiệp và dịch vụ). Đến nay, kinh tế hộ gia đình đã trở thành một bộ phận quan trọng trong nền kinh tế nhiều thành phần ở nước ta.

2. Đánh giá thực trạng phát triển kinh tế hộ gia đình hiện nay

2.1. Những thành tựu nổi bật

Sau 25 năm được thừa nhận là đơn vị kinh tế tự chủ, sự phát triển kinh tế hộ gia đình đã đạt được nhiều thành tựu đáng ghi nhận, trong đó nổi bật là:

Thứ nhất, số lượng hộ gia đình kinh doanh cá thể tại khu vực nông thôn tăng nhanh, trong đó tốc độ tăng của giai đoạn sau (2006-2011) cao hơn giai đoạn kế trước (2001-2005), tương ứng 11,5% so với 5,38%. Điều đáng nói là, trong giai đoạn 5 năm sau, sự gia tăng các hộ kinh doanh diễn ra khá đồng đều trên phạm vi cả nước, trong đó: tăng cao nhất là vùng Đông Nam Bộ (+26,74%); thấp nhất là vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải Nam Trung Bộ (+8,31%).

Thứ hai, cơ cấu hộ đã có sự chuyển dịch theo hướng hiện đại. Điều này được thể hiện ở sự giảm xuống khá nhanh cả về số lượng và tỷ trọng của nhóm hộ nông, lâm nghiệp, thủy sản (NN, LN, TS) và sự tăng lên của nhóm hộ công nghiệp-xây dựng (CN-XD) và dịch vụ (DV) (Bảng 1).

Trong nội bộ ngành NN-LN-TS, sự chuyển dịch cơ cấu hộ cũng diễn ra theo chiều hướng tích cực. So sánh năm 2011 với năm 2001, số hộ thuần nông giảm 2,6% về tỷ trọng và 6,2% về số hộ; tương ứng hộ lâm nghiệp tăng 0,3% và 10,5%; hộ thủy sản tăng 2,3% và 38,8%.

Thứ ba, lĩnh vực hoạt động của các hộ nông thôn ngày càng đa dạng, nhờ đó cơ cấu thu nhập của hộ cũng có sự thay đổi theo hướng bền vững hơn. Ngoài những ngành nghề truyền thống như trồng lúa và các loại cây ăn trái, cây công nghiệp, chăn nuôi gia súc, gia cầm..., các hộ đã chủ động chuyển đổi ngành nghề, chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi để tạo nguồn thu nhập cao và ổn định hơn. Kết quả là nhiều hộ nông dân đạt doanh thu/năm lên tới con số hàng tỷ đồng, lợi nhuận/năm trên 1 tỷ đồng, thậm chí có hộ đạt 5,6 tỷ đồng [1].

Bảng 1: Cơ cấu hộ gia đình khu vực nông thôn phân theo ngành nghề

Đơn vị tính: hộ, %.

	2001		2006		2011	
	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ
Tổng hộ	13.065.756	100	1.376.472	100	15.347.921	100
Hộ NN-LN-TS	10.573.756	80,9	9.783.644	71,1	9.515.835	62,1
Hộ CN-XD	752.204	5,8	1.401.943	10,2	2.260.870	14,7
Hộ DV	1.381.121	10,6	2.054.193	14,9	2.828.203	18,4
Hộ khác	358.704	2,7	528.692	3,8	742.993	4,8

Nguồn: Tổng hợp số liệu Tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp, thủy sản 2001, 2006 và 2011.

Theo đó, cơ cấu thu nhập của hộ cũng có sự chuyển dịch theo hướng tiến bộ. Cụ thể, xét theo nguồn thu nhập, sau 10 năm tỷ trọng hộ có nguồn thu chủ yếu từ nông nghiệp trong tổng thu nhập giảm và tỷ trọng hộ có nguồn thu chủ yếu từ các hoạt động phi nông nghiệp tăng (Bảng 2). Điều đó nói lên rằng, các hộ gia đình đang dần thoát khỏi sự lệ thuộc vào tự nhiên, do đó giảm bớt được những rủi ro trong sản xuất và đời sống.

Thứ tư, vốn tích lũy bình quân/hộ ở khu vực nông thôn cứ sau 5 năm lại tăng hơn gấp đôi, kể cả ở những vùng không có điều kiện tự nhiên thuận lợi cho phát triển kinh tế như Trung du và Miền núi phía Bắc, Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung. Cụ thể, năm 2001, vốn tích lũy bình quân/hộ mới đạt hơn 3,2 triệu đồng, thì năm 2006 đạt hơn 6,65 triệu đồng (tăng 2,1 lần) và năm 2011 là 16,84 triệu đồng (gấp 2,5 lần năm 2006) (Bảng 3).

Đặc biệt, các hộ thuần nông cũng đã đạt được một lượng vốn tích lũy đáng kể: năm 2006 đạt mức 4,784 triệu đồng/hộ (tăng 1,9 lần so với 2001); năm 2011 đạt 12,504 triệu đồng/hộ (tăng 2,6 lần so với 2006).

Thứ năm, tính chất và quy mô của nền sản xuất hàng hóa lớn ngày càng thể hiện rõ nét trong khu vực kinh tế hộ. Nhiều hộ gia đình có

quy mô sản xuất khá lớn, với lượng vốn kinh doanh lên tới hàng trăm triệu đồng, thậm chí hàng chục tỷ đồng, trong đó một bộ phận đáng kể hộ nông dân đã thành lập các doanh nghiệp nhỏ hoặc vừa, một bộ phận khác là sáng lập viên của các tổ hợp tác và hợp tác xã.

Sự liên kết, mở rộng quy mô, tăng hiệu quả sản xuất, kinh doanh của các hộ đã thể hiện xu hướng phát triển của nền sản xuất hàng hóa theo hướng hiện đại. Nếu so với giai đoạn 2002-2007, số hộ đạt mức thu nhập trên 200 triệu đồng/năm giai đoạn 2007-2011 đã tăng gấp 3 lần, và số hộ có mức thu nhập trên 1 tỷ đồng/năm tăng 5 lần [2]. Nhờ đó, tỷ suất nông sản hàng hóa một số sản phẩm đạt mức khá cao, trong đó hạt điều đạt trên 90%, cao su trên 85%, chè trên 60%, lúa gạo trên 50%, cà phê 45%... [3].

Thứ sáu, ngày càng xuất hiện nhiều hộ nông dân khẳng định được vị trí trong nền kinh tế thị trường và có tác động lớn đến sự nghiệp xóa đói giảm nghèo bền vững tại địa phương, được phong danh là “Hộ sản xuất kinh doanh giỏi”. Riêng năm 2011, số hộ nông dân đạt danh hiệu này là 4,24 triệu, chiếm 27,7% tổng số hộ [2]. Điều đáng khích lệ là, những hộ sản xuất kinh doanh giỏi đó không chỉ làm giàu cho bản thân, mà còn giúp đỡ nhiều hộ khác thoát nghèo thông qua việc tích cực hướng dẫn, phổ biến kinh nghiệm sản xuất, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, tạo thêm việc làm

mới và tham gia đào tạo nghề cho họ. Tính trong 5 năm (2007-2011), các hộ nông dân sản xuất kinh doanh giỏi đã tạo ra hơn 10,5 triệu việc làm cho lao động tại địa phương, trong đó: trên 3,3 triệu lao động có việc làm thường xuyên; hơn 7 triệu lao động có việc làm theo mùa vụ hoặc khâu công việc; giúp đỡ vốn, giống cây, con và kinh

nghiệm sản xuất cho hơn 7,1 triệu lượt hộ nông dân; giúp hơn 150 ngàn hộ thoát được nghèo và đang vươn lên làm ăn khá giả. Ngoài ra, các hộ sản xuất kinh doanh giỏi còn giúp đỡ cải thiện nhà ở và vốn sản xuất cho hơn 1 triệu hộ thuộc diện chính sách và hộ nghèo có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn [2].

Bảng 2: Cơ cấu hộ gia đình phân theo nguồn thu nhập chính

	Đơn vị tính: % tổng hộ						
	Cả nước	ĐB Sông Hồng	TD-MN phía Bắc	BTB và DHMT	Tây Nguyên	Đông Nam Bộ	ĐB Sông Cửu Long
Năm 2001							
Thu nhập chính từ NN-LN-TS	78,5	73,7	87,7	80,7	92,3	63,5	79,2
Thu nhập chính từ CN-XD	6,0	8,8	2,4	4,5	1,3	12,6	5,0
Thu nhập chính từ DV	11,4	11,5	7,6	9,2	5,2	20,2	13,7
Thu nhập chính từ nguồn khác	4,0	6,0	2,3	5,6	1,1	3,7	2,0
Năm 2006							
Thu nhập chính từ NN-LN-TS	67,9	52,8	83,1	70,2	89,0	54,1	72,7
Thu nhập chính từ CN-XD	11,3	19,5	4,1	8,7	2,1	19,2	8,5
Thu nhập chính từ DV	15,2	17,9	9,5	13,3	7,6	23,2	16,4
Thu nhập chính từ nguồn khác	5,6	9,8	3,3	7,8	1,3	3,5	2,4
Năm 2011							
Thu nhập chính từ NN-LN-TS	57,8	38,3	76,1	60,8	86,3	39,0	65,3
Thu nhập chính từ CN-XD	16,7	27,7	8,6	12,7	2,5	29,0	12,3
Thu nhập chính từ DV	19,3	23,5	11,9	17,6	9,6	28,6	19,8
Thu nhập chính từ nguồn khác	6,2	10,5	3,4	8,8	1,5	3,3	2,6

Nguồn: Tổng hợp số liệu Tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp, thủy sản các năm 2001, 2006, 2011.

Bảng 3: Vốn tích lũy bình quân/hộ khu vực nông thôn

	Đơn vị tính: 1.000 đồng		
	2001	2006	2011
Cả nước	3.231,2	6.655,2	16.843,7
Đồng bằng Sông Hồng	3.189,5	7.604,9	21.639,8
Trung du và Miền núi phía Bắc	3.602,0	7.204,2	9.110,7
Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung	6.555,7	11.707,9	12.855,2
Tây Nguyên	2.479,4	5.137,4	15.851,3
Đông Nam Bộ	4.271,2	9.354,6	24.163,4
Đồng bằng Sông Cửu Long	3.856,3	7.723,4	20.584,2

Nguồn: Tổng hợp từ kết quả Tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp, thủy sản 2001, 2006, 2011.

2.2. Những hạn chế, bất cập trong phát triển bền vững của kinh tế hộ gia đình và nguyên nhân

2.2.1. Những hạn chế, bất cập

Thứ nhất, quy mô sản xuất nhìn chung còn manh mún, nhỏ lẻ.

Hiện cả nước có hơn 15 triệu hộ gia đình nông dân đang kinh doanh trên hơn 9 triệu ha đất nông nghiệp, được chia ra khoảng 70 triệu thửa. Tính ra, mỗi hộ chỉ được 0,6 ha nhưng phải cày cấy trên 4-5 thửa ruộng. Diện tích ruộng nhỏ, lại đan xen giữa các hộ khiến việc

áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào đồng ruộng hết sức khó khăn.

Tình hình của các hộ kinh doanh cá thể phi nông nghiệp cũng không khả quan hơn. Mặt bằng kinh doanh của các hộ này chỉ khoảng 120m²/hộ (trong đó chủ yếu là đất đai sẵn có của họ), với số vốn kinh doanh bình quân/hộ cũng chỉ khoảng 80 triệu đồng, lao động sử dụng bình quân 2,1 người/hộ (trong đó 98% số hộ sử dụng dưới 5 lao động và 56% số hộ chỉ sử dụng 1 lao động) [7].

Sản xuất manh mún có thể nói là bất cập lớn nhất trên con đường đưa nông nghiệp, nông thôn lên sản xuất hiện đại, bền vững. Đó là vì, mỗi hộ sản xuất nhỏ, riêng lẻ sẽ rất khó có được lượng vốn đủ lớn để đầu tư đổi mới công nghệ, hoặc nếu có đủ lượng vốn đó thì cũng không đủ không gian để có thể thực hiện cơ giới hóa. Thêm vào đó, lối canh tác cổ truyền, năng suất lao động thấp, chất lượng sản phẩm kém đã làm cho sản phẩm của các hộ gia đình không tiếp cận được các siêu thị lớn hay thâm nhập thị trường thế giới.

Thứ hai, cơ cấu ngành nghề còn lạc hậu.

Số liệu tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp và thủy sản năm 2011 cho thấy, hiện cả nước còn 62% tổng số hộ gia đình nông thôn vẫn sinh sống bằng nghề nông; và nông, lâm nghiệp, thủy sản vẫn là nguồn thu nhập chủ yếu của 57,8% tổng số hộ, trong đó 12 tỉnh có tỷ lệ này trên 80% và 4 tỉnh trên 90% (gồm Hà Giang: 93,7%; Sơn La: 91,7%; Điện Biên và Lai Châu: 91,5%). Ngay như Hà Nội - một trong hai trung tâm kinh tế lớn của cả nước, thì tỷ lệ này vẫn còn tới 27,4% [5]. Tuy số hộ kinh doanh nông, lâm nghiệp, thủy sản chiếm tỷ trọng cao như vậy, nhưng số hộ có nguồn thu nhập lớn nhất từ hoạt động này lại chỉ chiếm một tỷ trọng thấp hơn so với các hộ kinh doanh

công nghiệp và dịch vụ⁽¹⁾. Đó là chưa kể đến những tổn thất, rủi ro mà hoạt động kinh doanh nông nghiệp rất dễ gặp phải. Vậy nên, chừng nào các hoạt động kinh tế của nông dân còn phụ thuộc lớn vào nông nghiệp thì chừng đó cuộc sống của họ vẫn còn bấp bênh, và họ vẫn phải đối mặt lâu dài với sự nghèo đói⁽²⁾.

Thứ ba, thị trường tiêu thụ sản phẩm hạn hẹp và bị động.

Từ nhiều năm nay, các hộ gia đình nông dân phải đối mặt với một thực tế là sản phẩm làm ra khó tiêu thụ, đặc biệt vào thời điểm mùa vụ. Theo đánh giá của Nguyễn Đình Duật và cộng sự (2009), tỷ lệ nông sản hàng hóa được tiêu thụ thông qua hình thức hợp đồng mới chỉ đạt từ 6-10% sản lượng [10]. Đó là chưa kể đến hiện tượng ép giá thu mua nông sản, hoặc thanh toán chậm đã gây khó khăn không nhỏ cho các hộ gia đình trong quá trình tái sản xuất. Nhiều doanh nghiệp ký hợp đồng với hộ nhưng không chịu đầu tư vào nguồn nguyên liệu như đã ký kết, thậm chí có doanh nghiệp còn lợi dụng chính sách khuyến khích hỗ trợ đầu tư cho nông nghiệp của Chính phủ để mưu lợi riêng. Điều này làm cho hoạt động tiêu thụ của hộ gia đình càng khó khăn. Vì vậy, các hộ gia đình vẫn phải tìm đến chợ làng, hoặc bán cho thương lái với

(1) Năm 2006, trong tổng số hộ khu vực nông thôn, số hộ thuần nông chiếm tới 71,1%, nhưng số hộ có nguồn thu nhập lớn nhất từ hoạt động này lại không tương xứng, chỉ có 67,9%; trong khi đó số hộ công nghiệp - xây dựng chỉ chiếm 10,2% nhưng lại có đến 11,3% số hộ có nguồn thu nhập chính từ hoạt động đó; số liệu của các hộ dịch vụ lần lượt là 14,9% và 15,2%. Đến năm 2011, các số liệu tương ứng là: hộ thuần nông 62% và 57,8%, hộ công nghiệp 14,7% và 16,7%, hộ dịch vụ 18,4% và 19,3% [5].

(2) Theo số liệu điều tra của IPSARD tại 12 tỉnh, thành trên cả nước về đời sống của 3.000 hộ nông dân từ năm 2006-2012, có đến một nửa trong số đó đang phải chịu những tác động tiêu cực ảnh hưởng đến thu nhập của họ (<http://thutuong.chinhphu.vn/Home/Can-tiep-suc-cho-ho-gia-dinh-nong-thon/20136/18898.vgp#sthash.uKi72f8Y.dpuf>)

giá thấp. Đó là một trong những rào cản lớn đối với sự phát triển bền vững của kinh tế hộ.

2.2.2. Nguyên nhân

Tình trạng trên xuất phát từ nhiều nguyên nhân, trong đó một số nguyên nhân chủ yếu là:

Thứ nhất, lao động gia đình phần lớn có độ tuổi cao và trình độ tay nghề thấp.

Do xu hướng ngày càng tăng của tình trạng những người trẻ, khỏe muốn thoát ly nông nghiệp, rời quê ra phố để tìm việc làm khác có thu nhập cao hơn, nên tại nông thôn hầu như chỉ còn lại người già, phụ nữ và trẻ em. Đây là bộ phận lao động yếu kém cả về thể chất lẫn trình độ nên khả năng tiếp thu khoa học và công nghệ rất hạn chế. Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, năm 2010 có đến 90,1% lực lượng lao động ở khu vực nông thôn chưa qua đào tạo, cao hơn 1,3 lần so với thành thị, trong đó vùng Đồng bằng Sông Cửu Long lên đến 91,2%. Trong số 9,9% lao động qua đào tạo thì trình độ sơ cấp nghề và trung cấp nghề chiếm gần một nửa, còn cao đẳng nghề rất ít, chỉ có 0,2% [4]. Tình trạng này đã làm tăng thêm những khó khăn vốn có của các hộ gia đình trong sản xuất kinh doanh.

Thứ hai, kiến thức và năng lực tiếp cận thị trường của chủ hộ thấp.

Hiện nay, việc tiếp cận thị trường của các hộ gia đình rất hạn chế do thiếu những kiến thức căn bản về kinh tế thị trường, do đó sản phẩm của các hộ sản xuất ra dù chưa nhiều mà vẫn không tiêu thụ được. Số liệu điều tra sâu tình hình hộ gia đình nông thôn của CIEM và IPSARD tại 12 tỉnh cho thấy, có đến 51% số hộ nông dân vẫn tự sản, tự tiêu là chính. Vì vậy, đói nghèo và nguy cơ tái nghèo vẫn luôn rình rập họ, bất chấp mọi nỗ lực để thoát nghèo của bản thân các hộ gia đình và xã hội (nhóm này chiếm trên 20% số hộ nghèo nhất) [6].

Thứ ba, sản xuất kinh doanh của các hộ còn phụ thuộc nặng vào việc khai thác tự nhiên, nên

nguy cơ cạn kiệt tài nguyên và ô nhiễm môi trường cao.

Sản xuất mang nặng tính tự nhiên là đặc điểm phổ biến và là nguyên nhân quan trọng dẫn đến tình trạng kém bền vững trong hoạt động sản xuất kinh doanh của kinh tế hộ gia đình hiện nay. Tại nhiều vùng, nhất là các tỉnh miền Trung và miền núi phía Bắc do điều kiện thời tiết khí hậu rất khắc nghiệt đã làm giảm mùa vụ và năng suất cây trồng vật nuôi. Cụ thể, tại các địa phương đó hiện chỉ có 16,4% diện tích đất ruộng chủ động được nước tưới, nhiều diện tích đất trồng lúa do thiếu nước nên chỉ sản xuất được một vụ [11].

Có thể thấy, lối canh tác lạc hậu là nguyên nhân của mọi nguyên nhân dẫn đến tình trạng trên. Chính những hạn chế trong áp dụng khoa học kỹ thuật, nhất là công nghệ hiện đại vào sản xuất đã làm cho các hộ bị lệ thuộc vào tự nhiên, do đó để tạo được sự phát triển bền vững trong phát triển là rất khó. Cho đến nay, vẫn còn rất nhiều nông dân tiến hành sản xuất bằng phương pháp thủ công, từ khâu làm đất, gieo mạ, cấy, gặt, đến vận chuyển và chế biến... Điều đó không chỉ ảnh hưởng tới tính thời vụ mà còn làm tăng tỷ lệ thất thoát sau thu hoạch, làm cho sản lượng đã thấp càng thấp hơn.

Cũng do đặc điểm sản xuất nhỏ, gắn chặt với tự nhiên nên để tăng thêm sản lượng, hầu hết các hộ gia đình đều dựa vào việc bóc lột tài nguyên đến cạn kiệt, sử dụng quá nhiều các loại phân bón hóa học, thuốc trừ sâu... đã làm cho môi trường bị hủy hoại nhanh và ngày càng trầm trọng. Điều đó không chỉ ảnh hưởng đến sức khỏe và thu nhập của thế hệ hiện tại mà còn ảnh hưởng lâu dài đến cả các thế hệ mai sau.

3. Một số giải pháp chủ yếu thúc đẩy kinh tế hộ gia đình phát triển theo hướng bền vững

Trước hết, đẩy nhanh quá trình tích tụ và tập trung ruộng đất đi đôi với tăng cường các

hoạt động liên doanh, liên kết giữa các hộ và giữa hộ với doanh nghiệp.

Để khắc phục hạn chế về quy mô sản xuất manh mún, nâng cao hiệu quả kinh doanh của kinh tế hộ theo hướng bền vững, đòi hỏi phải đẩy mạnh tích tụ và tập trung ruộng đất. Việc tích tụ ruộng đất sẽ tạo điều kiện để đưa máy móc vào đồng ruộng, cũng như áp dụng các biện pháp thâm canh nhằm tăng năng suất, chất lượng và hiệu quả sản xuất nông nghiệp. Muốn vậy, một mặt các địa phương cần tăng cường công tác tuyên truyền, vận động các hộ thực hiện chủ trương “dồn điền đổi thửa”, nhân rộng mô hình “cánh đồng mẫu lớn”; mặt khác, Chính phủ phải sửa đổi chính sách giao quyền sử dụng đất cho nông dân để khắc phục tình trạng nhiều hộ gia đình có nhân lực và nhu cầu mở rộng sản xuất thì không có đất, trong khi những hộ khác có đất lại bỏ hoang hoặc cho người khác thuê mướn vì thiếu lao động.

Cùng với việc tăng quy mô ruộng đất cho hộ, việc tăng cường mối quan hệ liên kết giữa các hộ với nhau và giữa các hộ với doanh nghiệp cũng là điều kiện quan trọng để phát triển kinh tế hộ theo hướng bền vững. Thực tế đã chứng minh, hoạt động của từng hộ gia đình đơn lẻ, dù ở trình độ nào, vẫn vấp phải những giới hạn mà tự bản thân họ không thể vượt qua, như việc giải quyết các nhu cầu về giống, vật tư nông nghiệp, bảo vệ thực vật, đưa kỹ thuật mới vào đồng ruộng, đặc biệt là chế biến và tiêu thụ sản phẩm. Như vậy, sự liên kết giữa các hộ và giữa hộ với doanh nghiệp không chỉ là đòi hỏi khách quan của quá trình phát triển sản xuất, mà còn là nhu cầu của bản thân các hộ.

Thứ hai, đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả hoạt động đào tạo nghề cho nông dân.

Đào tạo nghề cho nông dân là biện pháp vừa có tính cấp thiết trước mắt, vừa mang tính cơ bản, lâu dài. Để nâng cao hiệu quả đào tạo nghề, cần đổi mới hoạt động này theo các hướng chủ yếu sau:

- Hoạt động dạy nghề phải xuất phát từ nhu cầu xã hội. Nếu nhu cầu người học là đa dạng thì các phương thức và nội dung đào tạo nghề cũng phải đa dạng. Cụ thể là, phải thay thế việc tổ chức các lớp học tập trung, với thời gian dài gây khó khăn cho người theo học bằng việc tổ chức các lớp học ngắn ngày, phi tập trung, trong đó chú trọng hình thức đào tạo tại chỗ; thay cơ chế chính quyền địa phương cử người đi học theo chỉ tiêu số lượng và ngành nghề được phân bổ từ trên xuống bằng cơ chế để cho nông dân tự lựa chọn ngành học và khóa học⁽³⁾; và thay vì việc giới hạn mỗi người chỉ được học một nghề bằng việc giúp cho nông dân được học nhiều nghề theo yêu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của họ, nhất là các hộ sản xuất kinh doanh tổng hợp nhiều nghề.

- Chương trình dạy nghề phải luôn được cập nhật để trang bị kiến thức đầy đủ và hiện đại cho người học. Tức là, không chỉ dạy cho nông dân về mặt kỹ thuật sản xuất và quản lý kinh tế, mà còn phải truyền thụ cho họ những kiến thức về pháp luật, thị trường và hội nhập quốc tế... Khi có được những kỹ năng và kiến thức đó, người nông dân sẽ có đủ tự tin để tham gia vào thị trường lao động rộng lớn, nhanh chóng tìm được việc làm có thu nhập cao hơn, từ đó thúc đẩy dịch chuyển các hoạt động kinh doanh của hộ theo hướng sản xuất hàng hóa lớn, hiện đại.

- Nâng cấp hệ thống trang thiết bị tại các cơ sở dạy nghề sát với yêu cầu thực tiễn theo phương châm “học đi đôi với hành” để nâng cao chất lượng đào tạo. Có như vậy, những kiến thức mà nông dân lĩnh hội được từ học nghề

⁽³⁾ Theo bà Phạm Thị Thu Bình (Phó Chủ tịch Hội Nông dân tỉnh Hải Dương), năm 2004, tỉnh Hải Dương tổ chức đào tạo nghề thủy sản, có xã cử toàn cán bộ đi học, trong khi các cán bộ này không có ao nuôi thủy sản (http://dangcongsan.vn/cpv/Modules/News/NewsDetail.asp?co_id=30703&cn_id=481896).

mới có ý nghĩa thiết thực, mới giúp họ tiếp cận được với nền sản xuất lớn, lựa chọn được những cây, con và ngành nghề kinh doanh thích hợp, đảm bảo có lợi nhuận cao và bền vững.

Thứ ba, giúp các hộ chuyển đổi cơ cấu ngành nghề theo hướng hiệu quả và bền vững.

Để tạo sự phát triển bền vững, việc chuyển dịch cơ cấu lao động và ngành nghề của các hộ từ nông nghiệp sang phi nông nghiệp là tất yếu. Đó vừa là điều kiện, vừa là cơ hội để hộ gia đình có thể tạo thu nhập lớn và tích lũy cao. Tuy nhiên, để tạo được bước chuyển đó lại không dễ, bởi vì tâm lý và tập quán sản xuất nhỏ đã ăn sâu vào tiềm thức của người nông dân, và vì nông dân thiếu kiến thức, kỹ năng về kinh doanh trong nền kinh tế thị trường hiện đại. Vậy nên, để giải quyết những hạn chế này, giúp nông dân có đủ điều kiện chuyển đổi ngành nghề kinh doanh theo hướng phát triển bền vững, đòi hỏi phải có sự quan tâm đặc biệt của chính quyền và các tổ chức xã hội tại địa phương. Về nguyên tắc, chuyển dịch cơ cấu sản xuất của hộ là chuyển từ kinh doanh thuần nông sang kinh doanh tổng hợp hoặc kinh doanh chuyên ngành nghề, song việc lựa chọn ngành nghề cụ thể nào lại phải căn cứ vào nhu cầu thị trường (đặc biệt là nhu cầu dài hạn), có tính đến lợi thế của từng địa bàn.

Thứ tư, trang bị kiến thức về kinh tế và kinh doanh trong nền kinh tế thị trường cho nông dân.

Để các hộ thoát nghèo bền vững, tiến tới làm giàu chính đáng, cần phải nâng cao trình độ hiểu biết cho họ về các lĩnh vực kinh tế và quản trị kinh doanh, về hội nhập kinh tế quốc tế và cả những kiến thức về phòng chống thiên tai, dịch bệnh... Đó là biện pháp căn bản giúp họ có được kỹ năng tiếp cận thị trường và thích ứng.

Tuy nhiên, để làm tốt điều này, ngoài việc trang bị kiến thức cho chủ hộ, còn phải tăng cường vai trò hỗ trợ của Nhà nước trong việc

cung cấp đầy đủ và kịp thời thông tin cho họ về những biến động của thị trường. Thực tế đã chứng minh, nếu có được những kiến thức cơ bản về kinh tế thị trường thì người nông dân sẽ biết tính toán và lựa chọn công việc nào cần làm, sản phẩm nào cần sản xuất, và thị trường nào cần đưa hàng hóa tới để đạt được lợi nhuận cao nhất; còn nếu có được những kiến thức cơ bản về phòng chống thiên tai, dịch bệnh thì họ sẽ có thể giảm nhẹ được những tổn thất, do đó làm tăng đáng kể nguồn thu nhập của mình.

Tài liệu tham khảo

- [1] Văn Thông, “700 hộ nông dân Gia Lai thu nhập từ 500 triệu đồng”, <http://www.vietnamplus.vn/Home/700-ho-nong-dan-Gia-Lai-thu-nhap-tu-500-trieu-dong/20124/137828.vnplus>.
- [2] Hội Nông dân Việt Nam, Báo cáo Tổng kết phong trào nông dân thi đua sản xuất, kinh doanh giỏi, đoàn kết giúp nhau xoá đói, giảm nghèo và làm giàu chính đáng giai đoạn 2007- 2011, <http://www.hoinongdan.org.vn/index.php/van-ban-hoi/bao-cao>.
- [3] “Kinh tế hộ gia đình trong sản xuất nông nghiệp hàng hóa”, <http://thongtinphapluat.vn/vi/news/Phap-luat-dan-su/Kinh-te-ho-gia-dinh-trong-san-xuat-nong-nghiep-hang-hoa-1194>.
- [4] Tổng cục Thống kê, Niên giám thống kê 2012 tóm tắt.
- [5] Tổng cục Thống kê, Tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp và thủy sản các năm 2001, 2006, 2011.
- [6] “51% số hộ nông dân vẫn tự sản, tự tiêu”, <http://nhanong.com.vn/51-so-ho-nong-dan-van-tu-san-tu-tieu-2-7-7956.html>.
- [7] Hữu Oanh, Tiên Dũng, “Môi trường kinh doanh hộ gia đình cá thể: Nhiều lực cản hữu hình”, <http://www.baomoi.com/Moi-truong-kinh-doanh-ho-gia-dinh-ca-the-Nhieu-luc-can-huu-hinh/45/5982300.epi>.
- [8] IPSARD, “Đề nông nghiệp phát triển toàn diện theo hướng hiện đại, bền vững, sản xuất hàng hóa lớn”, <http://ipsard.gov.vn/news/newsdetail.asp?targetID=7118>.
- [9] “Tác động của quá trình đô thị hóa đến sự phát triển của khu vực nông thôn giai đoạn 2011-2020”, <http://www.baomoi.com/Tac-dong-cua->

- qua-trinh-do-thi-hoa-den-su-phat-trien-cua-khu-vuc-nong-thon/79/6884593.epi.
- [10] Nguyễn Đình Duật và cộng sự, “Đánh giá hiệu quả của chính sách khuyến khích tiêu thụ nông sản hàng hóa thông qua hợp đồng”, <http://www.doko.vn/luan-van/danh-gia-hieu-qua-cua-chinh-sach-khuyen-khich-tieu-thu-nong-san-hang-hoa-thong-qua-hop-dong> 330837.
- [11] Tiến Dũng, “Khó khăn ở Quang Trung”, <http://baocaobang.vn/Kinh-te/Kho-khan-o-Quang-Trung/16216.bcb>.
- [12] IPSARD và Báo Nông thôn ngày nay, Hội thảo khoa học chủ đề: “Bức tranh nông thôn, nông dân Việt Nam nhìn từ cuộc điều tra tiếp cận nguồn lực gia đình”, Hà Nội, ngày 27/6/2013.

Developing Household Economy in Vietnam

Mai Thị Thanh Xuân¹, Đặng Thị Thu Hiền²

¹*VNU University of Economics and Business,
144 Xuân Thủy Str., Cầu Giấy Dist., Hanoi, Vietnam*

²*Vietnam Forestry University, Hanoi, Vietnam*

Abstract: The household economy is an important part of the Vietnamese economy. Since it was recognized as a self-managed unit (1988), the household economy in the rural areas has seen the positive changes in terms of scale, speed, and structure. So far, many households have stood firm in the market economy, making a great impact on the hunger eradication and poverty reduction locally and nationwide. However, in the angle of sustainable development, there are still a lot of limitations in the household economy. This paper examines the secondary data (mainly from the Rural, Agriculture and Fisheries Census in 2001, 2006 and 2011) in order to analyze and evaluate the fundamental achievements and point out certain limitations and inadequacies in the sustainable development of the household economy and its causes so that solutions can be suggested to overcome difficulties to boost the household economy in the rural areas in the effective and sustainable direction.

Keywords: Household economy, rural, sustainable development.